

Số: /QĐ-UBND Gia Lộc, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 45/TTr-KTHT ngày 10 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Xã Lê Lợi nằm ở phía Tây Nam huyện Gia Lộc; phạm vi khu vực lập quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính xã Lê Lợi, với diện tích tự nhiên là **644,30 ha**.

ha. Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Yết Kiêu;
- Phía Nam giáp xã Phạm Trấn và xã Đoàn Thượng;
- Phía Đông giáp thị trấn Gia Lộc, xã Toàn Thắng và xã Đoàn Thượng;
- Phía Tây giáp huyện Bình Giang và xã Phạm Trấn.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

a) Mục tiêu quy hoạch:

- Định hướng xây dựng và phát triển xã Lê Lợi theo hướng xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với thị trường và phát triển nhiều ngành nghề.

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; làm cơ sở xác định các dự án đầu tư và lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Xây dựng và phát triển xã Lê Lợi đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu góp phần vào sự phát triển của huyện Gia Lộc;

- Xây dựng xã Lê Lợi trở thành xã hiện đại phát triển bền vững; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực công nghiệp dịch vụ; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của một vùng;

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

b) Tính chất, chức năng:

Là khu vực thuận lợi với điều kiện tự nhiên phù hợp phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

4. Quy mô dân số, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Quy mô dân số:

- Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 8.143 người (bao gồm dân số thường trú, tạm trú và lưu trú)

b) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

STT	HẠNG MỤC	Hiện trạng	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
		ha	ha	ha	%
	Tổng diện tích tự nhiên	644,30	0,00	644,30	100,00
I	Đất nông nghiệp	433,76	-87,61	346,15	53,72
1	Đất trồng lúa	310,37	-109,38	200,99	31,20
2	Đất trồng trọt khác	25,80	2,62	28,42	4,41
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	0,36	9,80	10,16	1,58
2.2	Đất trồng cây lâu năm	25,44	-7,18	18,26	2,83
3	Đất nuôi trồng thủy sản	97,59	14,05	111,64	17,33
4	Đất nông nghiệp khác	0,00	5,10	5,10	0,79
II	Đất xây dựng	106,96	106,37	213,33	33,11
1	Đất ở	70,42	25,56	95,98	14,90
2	Đất công cộng	2,58	2,42	5,00	0,78
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,32	1,01	1,33	0,21
2.2	Đất xây dựng cơ sở y tế (cấp xã)	0,16	-0,03	0,13	0,02
2.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (cấp xã)	1,49	1,27	2,76	0,43
2.4	Đất cơ sở văn hóa	0,42	0,32	0,74	0,11
2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,00	0,00	0,00	0,00
2.6	Đất chợ	0,15	-0,15	0,00	0,00
2.7	Đất bưu chính viễn thông	0,04	0,00	0,04	0,01
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	1,33	3,08	4,41	0,68
3.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,33	1,81	3,14	0,49
3.2	Đất vui chơi giải trí công cộng (cây xanh)	0,00	1,27	1,27	0,20
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích đình, đền	2,01	0,12	2,13	0,33
4.1	Đất di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh	0,00	0,00	0,00	0,00
4.2	Đất cơ sở tôn giáo	1,67	0,17	1,84	0,29
4.3	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,34	-0,05	0,29	0,05
5	Đất công nghiệp, TTCN, làng nghề	10,70	5,05	15,75	2,44
5.1	Đất công nghiệp, TTCN	0,00	3,82	3,82	0,59
5.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	10,70	1,23	11,93	1,85
6	Đất khoáng sản và sx vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00	0,00

7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,05	30,21	30,26	4,70
7.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,00	0,00	0,00	0,00
7.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,00	0,00	0,00	0,00
7.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,00	0,00	0,00	0,00
7.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	0,00
7.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00
7.6	Đất thương mại dịch vụ	0,05	30,21	30,26	4,70
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	19,87	38,88	58,75	9,12
8.1	Đất giao thông	14,21	38,96	53,17	8,25
8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,37	0,03	0,40	0,06
8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	5,29	-0,11	5,18	0,80
8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	0,00	0,00
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Đất an ninh quốc phòng	0,00	1,05	1,05	0,16
III	Đất khác	103,58	-18,76	84,82	13,16
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	103,58	-18,76	84,82	13,16

5. Phân khu chức năng:

a) Khu trung tâm xã:

Khu trung tâm xã hiện hữu tại thôn Anh, các công trình công cộng hiện tại cơ bản được đầu tư xây dựng mới, khang trang và đều được tính toán quy hoạch đáp ứng về quy mô diện tích cũng như về mặt cơ sở vật chất bao gồm: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã, trạm y tế, bưu điện, nghĩa trang liệt sỹ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở...

b) Hệ thống thôn, các khu dân cư tập trung:

Xã gồm 7 thôn: Thôn Dôi Hồng, thôn Chuối, thôn Anh, thôn Già, thôn Lại, thôn Bùi Thượng, thôn Bùi Hạ.

- Các khu dân cư ở cũ: Cải tạo chỉnh trang, tôn trọng cấu trúc khu dân cư hiện hữu; mở rộng giao thông thôn, xóm cải tạo và xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống cho người dân.

- Các khu dân cư quy hoạch mới: Quy mô khoảng 25,56 ha bao gồm 2 khu chính: khu Chợ Anh ở thôn Chuối và khu dân cư nằm ở thôn Lại.

c) Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ thương mại:

- Công nghiệp và sản xuất kinh doanh: Đất công nghiệp quy hoạch tập trung ở phía Bắc xã (thuộc dự án cụm công nghiệp Yết Kiêu), diện tích 3,82 ha.

Khu sản xuất kinh doanh nằm ở trung tâm xã, quy hoạch mở rộng 1,3 ha, tổng diện tích 2,04 ha.

- Dịch vụ thương mại: Chú trọng phát triển các khu dịch vụ thương mại mới với quy mô 30,26 ha, gồm khu dịch vụ thương mại ở phía Bắc xã diện tích 9,07 ha, ở phía Đông Bắc xã diện tích 20,11 ha.

- Nông nghiệp: Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung ở phía Tây của xã, diện tích 5,1 ha. Quy hoạch khu trồng cây hàng năm khác ở phía Tây của xã, diện tích 9,8 ha. Quy hoạch mở rộng một số khu nuôi trồng thủy sản ở phía Đông của xã, tổng diện tích 16,22 ha.

d) Các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển:

- Khu vực có khả năng phát triển giáp các vị trí thuận lợi về giao thông như gần nút giao ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, dọc các tuyến đường tỉnh, đường huyện, trục Bắc Nam.

- Khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực nằm trong hành lang đường điện cao thế, cần tính toán các chỉ tiêu, khoảng cách, không chế chiều cao xây dựng đảm bảo an toàn về hành lang đường điện theo quy định.

e) Khu vực cấm xây dựng:

- Khu vực đất nông nghiệp nghiêm cấm xây dựng các công trình ngoài mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Nghiêm cấm san lấp các ao hồ có trong danh mục ao hồ không được san lấp theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 UBND tỉnh Hải Dương.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

a) Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã:

- Mở rộng trụ sở UBND xã về phía Đông Nam thêm 0,86 ha, tổng diện tích 1,18 ha.

- Giáo dục:

- + Trường mầm non trung tâm xã: Mở rộng về phía Đông thêm 0,26 ha.

- + Quy hoạch mới 1 điểm trường tại thôn Bùi Thượng, diện tích 0,3 ha.

- + Trường tiểu học trung tâm xã: Mở rộng về phía Đông thêm 0,45 ha.

- + Trường THCS trung tâm xã: Mở rộng về phía Đông thêm 0,49 ha.

- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp với quy mô 0,15 ha.

- Trạm y tế giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng. Xây dựng khuôn viên cây xanh và mở rộng vườn thuốc. Cải tạo hình thức mặt đứng các công trình, xây dựng thêm phòng bệnh, nâng cấp cổng, tường rào.

- Quy hoạch sân vận động trung tâm xã tại phía Bắc thôn Anh với diện tích dự kiến khoảng 1,56 ha.

Các công trình trên cơ bản đã được xây dựng mới phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, hình thức kiến trúc công trình phù hợp hài hòa với bản sắc địa phương, màu sắc tươi sáng, đảm bảo thông gió thoáng mát.

b) Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn cũ.

* Đối với khu dân cư cũ: Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư, mật độ xây dựng thuần tối đa của từng lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ (nhà biệt thự, nhà ở liền kề, nhà ở độc lập) phải đảm bảo phù hợp với QCVN01:2021/BXD. Các công trình sản xuất, chăn nuôi trong lô đất gia đình phải có hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Chỉ tiêu về tầng cao: tối đa 5 tầng.

* Đối với khu dân cư, điểm dân cư mới: Phát triển được một lượng dân cư thích hợp theo dự báo, thuận lợi cho tổ chức các công trình công cộng thiết yếu; Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu 37m²/người theo QCVN01:2021/BXD.

- Đất xây dựng công trình nhà ở tối thiểu 25m²/người.
- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu 5m²/người.
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 5m²/người.
- Đất cây xanh công cộng tối thiểu 2m²/người.
- Chỉ tiêu về tầng cao: theo quy định của đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hình thức kiến trúc: hiện đại, hướng đến kiến trúc xanh, thân thiện môi trường.

c) Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ và các khu vực đặc thù khác

- Các khu vực sản xuất theo quy hoạch của khu, cụm công nghiệp có trên địa bàn xã Lê Lợi.

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách ATMT, bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: có quy mô 2,13 ha là phần đất các đình, chùa hiện tại có trong xã, gìn giữ bảo tồn theo quy hoạch.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:

a) Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng chạy qua phía Bắc xã dài 1,42km. Quy hoạch mở rộng đường gom phía Nam với bề rộng lòng đường 10,5m, vỉa hè 5m. Đường vành đai II TP. Hải Dương đi cùng với đường gom phía Bắc của đường cao tốc.

- Đường tỉnh 393 đoạn qua địa bàn xã dài 3,1 km, nâng cấp toàn tuyến đạt

quy mô đường cấp III đồng bằng. Đoạn qua khu dân cư hiện trạng có quy mô 33,0m gồm đường đôi 2 x 11m + dải phân cách 1,0m + vỉa hè mỗi bên 5m.

- Các điểm khu dân cư quy hoạch mới, công nghiệp, sản xuất kinh doanh giáp đường tỉnh lộ phải dành đất xây dựng đường gom với bề rộng lòng đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên 5m để đảm bảo giao thông kết nối an toàn.

- Đường huyện có chỉ giới rộng 32m, gồm: mặt đường nhựa rộng 9m, hành lang giao thông mỗi bên là 11,5m.

* Giao thông đối nội:

- Đường trục xã: Các tuyến đường xã có quy mô 17,5m (5,0+7,5+5,0).

- Đường thôn, xóm: Các tuyến đường qua các thôn có quy mô 11,5m (3,0 + 5,5 + 3,0).

- Các tuyến đường trục chính ra đồng, đường nội đồng: đảm bảo quy mô lòng đường 5,5m, lề đường mỗi bên 1,0m.

* Đường sắt cao tốc:

Tuyến đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng dự kiến chạy qua phía Bắc xã. Đoạn qua xã đi cùng với đường gom phía Bắc của đường cao tốc, cùng với đường vành đai II.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

Cao độ nền: Khu dân cư hiện hữu cơ bản cao độ được giữ nguyên. Trong quá trình triển khai, nâng cấp cải tạo cần tính toán cốt cao độ các khu vực lân cận, tránh gây ngập úng cục bộ. Đối với các khu vực phát triển mới cần có giải pháp kết nối hạ tầng phù hợp hoặc thiết kế san nền phù hợp với cao độ khu dân cư hiện trạng.

c) Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước chính của xã như hiện trạng, tất cả nước mặt thoát ra sông Đĩnh Đào, cụ thể theo từng thôn:

+ Thôn Dôi thoát nước theo kênh tiêu về trạm bơm Khuông Phụ thuộc xã Yết Kiêu.

+ Thôn Hồng thoát ra kênh tiêu thuộc xứ Cổ Ngựa.

+ Thôn Anh và thôn Chuối thoát ra các ao hồ quanh thôn sau đó thoát ra kênh tiêu Bùi Hạ chảy về trạm bơm Bùi Hạ.

+ Thôn Bùi Thượng thoát ra các ao hồ nuôi trồng thủy sản và kênh dọc theo trục đường WB3 qua xứ Cửa Kho về trạm bơm Bùi Hạ.

+ Thôn Bùi Hạ thoát ra xứ Đằng Trong ra kênh tiêu Bùi Hạ.

+ Thôn Già và thôn Lại thoát nước ra kênh Bùi Hạ về trạm bơm Bùi Hạ.

- Làm mới và nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm thành các rãnh bê tông có nắp đậy.

- Cải tạo mương dẫn vào trạm bơm.

d) Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước chung, thoát nước tự chảy.
- Mạng lưới cống thoát nước khu dân cư kết nối với hệ thống kênh mương thủy lợi, đảm bảo không ngập úng vào mùa mưa.
- Mạng lưới đường cống thoát nước chính: Cơ bản tận dụng hệ thống ao, hồ, kênh, mương thoát nước hiện có. Tại những trục đường chưa có rãnh thoát nước, đặt hệ thống cống tròn BTCT ngầm dưới vỉa hè, đường kính D400 - D1000 tùy theo cấp đường và mặt cắt đường cụ thể.
- Trong quá trình thực hiện các dự án, cần xác định các tuyến kênh hoàn trả phù hợp, đảm bảo tiêu thoát nước được liên tục, thuận lợi và phù hợp với hiện trạng.

e) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 là 1.183 (m³/ng.đ)
- Nguồn cấp nước: Trạm cấp nước của xã đặt tại thôn Hồng trước đây lấy nước sông Đĩnh Đào không đảm bảo chất lượng nguồn nước mặt, hiện đã chuyển thành trạm bơm tăng áp, lấy nước sạch từ TP Hải Dương dẫn về.

f) Cấp điện:

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 là 1.642 kVA.
- Nguồn điện: Lấy từ mạng lưới điện thuộc điện lực Gia Lộc theo 2 lộ điện:
 - + ĐZ 35KV lộ LDA 378-E8.1-159-13 nhánh Khuông Phụ.
 - + ĐZ 22KV lộ LDA 471-E8.14-125 nhánh Bơm Lê Lợi.
- Dự kiến quy hoạch thêm 4 trạm biến áp mới cho các khu vực:
 - + Khu dân cư mới Chợ Anh ở thôn Chuối.
 - + Khu dịch vụ thương mại quy hoạch.
 - + Khu vực phía Nam thôn Anh, gần nút giao đường tỉnh 393 và đường huyện.
 - + Khu quy hoạch chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản và sản xuất kinh doanh.
- Công suất mỗi trạm là 560 KVA, tổng công suất dự kiến là 5.420 KVA.
- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:
 - + Mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư.
 - + Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4m trở lên. Tuyến chiếu sáng trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi kết hợp với cấp điện hạ thế; tại các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

g) Quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn:

- Hiện tại xã đã có 2 bãi xử lý rác thải tại xứ Đường Sở với tổng diện tích 0,39 ha.
- Quy hoạch 1 điểm tập kết rác thải cạnh đường gom đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, diện tích 0,05 ha.
- Phân loại rác thải ngay tại nguồn thải trước khi thu gom. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom đến khu xử lý tập trung.
- Các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị thùng đựng rác thải công cộng loại 0,5m³ và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển rác thải đến các bãi rác tập trung.

h) Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa:

Quy hoạch 01 điểm nghĩa trang tập trung nằm giáp đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, diện tích 0,35 ha, đảm bảo khoảng cách vệ sinh với khu dân cư và sản xuất.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

a) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Cập nhập, nâng cấp mở rộng các tuyến đường kết nối giao thông đối ngoại, đối nội.
- Mở rộng trụ sở UBND xã, khu văn hóa thể thao tập trung.
- Cải tạo, nâng cấp những công trình hạ tầng xã hội hiện trạng tại địa phương. Đầu tư xây dựng mở rộng trường tiểu học, trường THCS, đầu tư cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn.
- Quy hoạch các khu dân cư mới, đầu tư giá tạo nguồn.
- Tập trung hoàn thiện các hạng mục còn thiếu địa bàn.

b) Nguồn vốn: Nguồn vốn xây dựng từ nguồn ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý xây dựng Quy hoạch chung xây dựng xã Lê Lợi đến năm 2030 do đơn vị tư vấn Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng và UBND Lê Lợi tổ chức lập, ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

a) Tiến độ thực hiện quy hoạch:

- Phân kỳ thực hiện quy hoạch: lập danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng theo từng cấp độ, kế hoạch trong 10 năm, 5 năm và hàng năm; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.
- Phù hợp với kế hoạch, khả năng cân đối nguồn vốn của UBND xã Lê Lợi và UBND huyện Gia Lộc.

b) Giải pháp tổ chức thực hiện:

- UBND xã lập kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.
- Rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc; đẩy mạnh giải pháp khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Lê Lợi tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt; Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động rà soát quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với quy chuẩn và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Giao các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, quản lý quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi; Giám đốc Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (để b/c);
- TT HĐND huyện (để b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tuấn